TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/DS-ST Ngày: 13-01-2021 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khoa Việt và bà Lê Thị Thanh Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-DS ngày 13/9/2019 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/QĐXX-ST ngày 09/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: 266-268 N, phường T, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Thu T – Chuyên viên quản lý nợ, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Phú Yên là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 20/6 P, phường T, thành phố T, Phú Yên.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày*:

Ngày 04/6/2015, bà Nguyễn Thị Kiều T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng, gồm 02 thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First và Thẻ tín dụng nội địa Family. Sau đó, bà T đã thực hiện các giao dịch rút số tiền tổng cộng là 27.978.841 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 28.200.000 đồng. Đến ngày 30/9/2018, đối với thẻ tín dụng quốc tế còn nợ lại 5.587.509 đồng và thẻ tín dụng nội địa còn nợ lại 6.001.153 đồng; từ đó bà T không rút tiền và không thanh toán nữa. Nên cùng ngày, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển sang dư nợ quá hạn đối với bà T và xác định nợ gốc chưa trả đối với thẻ tín dụng quốc tế là 5.587.509 đồng và thẻ tín dụng nội địa là 6.001.153 đồng. Tính đến ngày 24/02/2020, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng của 02 thẻ là 18.504.758 đồng (trong đó: tổng gốc là 11.588.662 đồng và tổng lãi là 6.916.096 đồng), nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền trên.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trương Thị Thu T làm đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2021) bà Nguyễn Thị Kiều T còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết tổng cộng là 22.272.539 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ theo hợp đồng đã ký kết tính đến ngày 13/01/2021 tổng cộng là 22.272.539 đồng. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa tại Công an phường T, thành phố T thì tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T không có mặt tại địa chỉ cư trú. Theo Công văn số 1896/PC06 ngày 04/12/2020 của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Phú Yên cung cấp thì bà T có đăng ký HKTT tại 20/6 P, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên.Việc bà T bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc bà T không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngày 04/6/2015, bà Nguyễn Thị Kiều T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng, gồm 02 thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Ladies First và Thẻ tín dụng nội địa Family, với lãi suất 2,15%/tháng đối với thẻ quốc tế và 2,5%/tháng đối với thẻ nội địa; lãi quá hạn là 150% của lãi suất tháng; phương thức thanh toán là định kỳ hàng tháng. Căn cứ vào Bản tóm tắt sao kê nguyên đơn cung cấp thì bà T đã thực hiện các giao dịch rút số tiền của 02 thẻ tổng cộng là 27.978.841 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 28.200.000 đồng. Ngày 30/6/2018, bà T không rút tiền và không thanh toán nữa. Đến ngày 30/9/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng 02 thẻ, chuyển sang dư nợ quá hạn đối với bà T và xác định nợ gốc chưa trả của thẻ tín dụng quốc tế là 5.587.509 đồng và thẻ tín dụng nội địa là 6.001.153 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/01/2021), bà T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 22.272.539 đồng (trong đó: đối với thẻ tín dụng quốc tế, gốc là 5.587.509 đồng, lãi là 4.510.554 đồng và thẻ tín dụng nội địa, gốc là 6.001.153 đồng, lãi là 6.173.323 đồng), Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả.

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Kiều T không thanh toán nợ khi đến hạn cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 13/01/2021 theo Hợp đồng đã ký kết tổng cộng là

22.272.539 đồng, trong đó: tổng gốc là 11.588.662 đồng và tổng lãi là 10.683.877 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 463, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền vay còn nợ đến ngày 13/01/2021 theo Hợp đồng ngày 04/6/2015 tổng cộng là 22.272.539 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm ba mươi chín đồng*); trong đó: tổng gốc là 11.588.662 đồng (*Mười một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng*) và tổng lãi là 10.683.877 đồng (*Mười triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 1.114.000 đồng (*Một triệu một trăm mười bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S 396.000 đồng (*Ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0014891, ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khoa Việt **Lê Thị Thanh Thuấn** **Trần Lê Mai**